TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Thành**.

2. Ông **Phạm Văn Quang**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*****Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Hớn trình bày**:

Chị và anh Nguyễn Hoàng D sống chung với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 16/7/2019. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng kể từ khi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm không thể hàn gắn lại được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/4/2019. Hiện nay con chung đang sống chung với chị H, nay ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có.

*** Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Hoàng D trình bày**:

Về thời gian đăng ký kết hôn thì anh thống nhất với lời trình bày của chị Hớn. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị H có mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, nên nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/4/2019. Hiện nay con chung đang sống chung với chị H, nay ly hôn anh D đồng ý giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H với anh Nguyễn Hoàng D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/4/2019 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn anh Nguyễn Hoàng D có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của

Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh D.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hoàng D sống chung với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 16/7/2019. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, nhưng kể từ khi sinh con thì chị H và anh D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống. Do đó, việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/4/2019. Hiện nay con chung đang sống chung với chị H, do chị H đang chăm sóc nuôi dưỡng nên việc anh D đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/4/2019 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Hoàng B tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hoàng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0026775 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị H đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh